

Bản án số: **72/2021/HNGĐ-ST**  
Ngày: 03/3/2021  
*V/v: TrA chấp Hôn nhân và gia  
đình .*

**NHÂN DA**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Phan Thị Kim ThA

*Các Hội thẩm nhân dân :*

1. Bà Trần Thị OA
2. Bà Bùi Thị Ngọc A

**- Thư ký phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Phương Liên– Thẩm tra viên Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm tham gia phiên toà:** Bà Lưu Thị Dáng Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 03/3/2021, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Nam Từ Liêm, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 421/2020/TLST-HNGĐ ngày 13/10/2020, về việc “*TrA chấp hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/01/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2021/QĐST-HNGĐ ngày 08/02/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Tô Lan A, sinh năm 1980,
- Bị đơn: A Nguyễn Việt D, sinh năm 1976

Cùng địa chỉ: phường D, quận L, thành phố H

*(Chị Lan A có mặt, A D vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/9/2020 và trong quá trình giải quyết, xét xử, Nguyên đơn là chị Tô Lan A trình bày:***

Về tình cảm: Chị và A Nguyễn Việt D đăng ký kết hôn ngày 15/5/2003 tại Ủy ban nhân dân phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội. Vợ

chồng chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp về tính cách, quan điểm sống luôn bất đồng. Năm 2017 chị đã làm đơn xin ly hôn A D, nhưng sau đó chị đã rút đơn về để vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con chung, nhưng vẫn không có kết quả. Do điều kiện kinh tế, A D phải đi làm ăn xa. Trong thời gian đi làm ăn xa, A D đã có mối quan hệ với người phụ nữ khác và có con riêng. Chị đã cho A D nhiều cơ hội nhưng A D không thay đổi. Nay chị xác định không còn tình cảm với A D nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với A D để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Lan Th, sinh ngày 01/10/2003 và cháu Nguyễn Trần Nhật M, sinh ngày 20/01/2007. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi cả 2 con và yêu cầu A D cấp dưỡng nuôi con theo khả năng.

Về tài sản chung, nợ chung: A chị xác định không có tài sản chung, công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Bị đơn là A Nguyễn Việt D có ý kiến:***

Về tình cảm: A hoàn toàn nhất trí với lời khai của chị Lan A về thời gian đăng ký kết hôn. Do hoàn cảnh kinh tế, A phải đi làm ăn xa, nên không toàn tâm, toàn ý được với gia đình, vợ con. Nhưng gần đây, công việc của A có tiến triển, A đã bắt đầu quan tâm đến vợ con hơn. Gần đây, A biết chị Lan A lại làm đơn xin ly hôn A, A không muốn vợ chồng ly hôn, mong Tòa án xem xét hòa giải cho vợ chồng A về đoàn tụ để các con có đủ bố mẹ. Do A đang dở dang công việc, nên A muốn hoàn thành nốt khối lượng công việc để thA quyết toán với đối tác, sau đó A sẽ chuyển toàn bộ công tác ra Hà Nội để gần vợ, gần con. A thừa nhận là mình đã có mối quan hệ với người khác trong thời gian đi làm ăn xa và A đã có con riêng, nhưng A cam đoan sẽ chấm dứt mối quan hệ đó để quay trở về với vợ con.

Về con chung: Vợ chồng A có 02 con chung là cháu Nguyễn Lan Th, sinh ngày 01/10/2003 và cháu Nguyễn Trần Nhật M, sinh ngày 20/01/2007. Do A không có ý định ly hôn với chị Lan A nên A không có suy nghĩ về việc sẽ chia cắt các con, hoặc ai sẽ là người phải nuôi con khi ly hôn và cũng không muốn đề cập đến các vấn đề khác như tài sản chung, công nợ chung.

A không đồng ý ly hôn và rất mong muốn Tòa hòa giải, thuyết phục chị Lan A rút đơn ly hôn, để vợ chồng A về đoàn tụ.

***Tại phiên tòa:***

- Chị Tô Lan A vẫn giữ nguyên quan điểm như đơn khởi kiện, đề nghị Tòa giải quyết cho chị được ly hôn với A D để chị sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 cháu: Nguyễn Lan Th, sinh ngày 01/10/2003 và Nguyễn Trần Nhật M, sinh ngày 20/01/2007.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu A D cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án xem xét và giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng thủ tục tố tụng, đảm bảo quy định của pháp luật trong tất cả các quá trình từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa; Về phía các đương sự: Nguyên đơn là chị Lan A chấp hành đúng nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Bị đơn là A D không chấp hành nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Tô Lan A, xử cho chị Lan A được ly hôn với A Nguyễn Việt D.

Về con chung: Do các cháu Nguyễn Lan Th, sinh ngày 01/10/2003 và cháu Nguyễn Trần Nhật M, sinh ngày 20/01/2007 đều có nguyện vọng ở mẹ nên giao cả hai cháu cho chị Lan A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, yêu cầu A D cấp dưỡng nuôi con tính theo mức lương tối Thiểu.

Về tài sản chung và công nợ chung: Do chị Lan A không có yêu cầu nên không đề cập.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tra tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là A Nguyễn Việt D có HKTT và nơi ở tại Số nhà 58 Nguyễn Đồng Chi, tổ 2, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội nên TAND quận Nam Từ Liêm thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm đã tiến hành đầy đủ thủ tục tố tụng và tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho nguyên đơn và bị đơn theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là chị Tô Lan A có mặt, bị đơn là A Nguyễn Việt D vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của chị Tô Lan A:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Tô Lan A và A Nguyễn Việt D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 15/5/2003 tại Ủy ban nhân dân phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án, A D chỉ lên Tòa 1 lần, thể hiện quan điểm không đồng ý ly hôn với chị Lan A, nhưng không có Thận chí khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Căn cứ vào lời khai của các đương sự có trong hồ sơ vụ án cùng các tài liệu Tòa án xác M được có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định giữa chị Tô Lan A và A Nguyễn Việt D có mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng đã sống ly thân, mỗi người ở một nơi không còn quan tâm đến nhau.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Lan A và A D là có thật, cả hai bên đều không thực hiện các nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, trong thời gian đi công tác, A D đã có con riêng với người phụ nữ khác. Vì vậy, có đủ căn cứ để chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lan A, cho chị Lan A được ly hôn với A D là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- *Về con chung*: Chị Tô Lan A và A Nguyễn Việt D có 02 con chung là Nguyễn Lan Th, sinh ngày 01/10/2003 và Nguyễn Trần Nhật M, sinh ngày 20/01/2007.

Xét yêu cầu về việc nuôi con sau khi ly hôn của các đương sự, HĐXX thấy: Từ khi chị Lan A và A D sống ly thân thì các con đều ăn ở, sinh hoạt ổn định với chị Lan A. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của con chung sau khi ly hôn, Tòa án đã tiến hành tham khảo nguyện vọng của các cháu Lan Th và Nhật M, cả hai cháu đều có nguyện vọng xin được ở với mẹ nếu bố mẹ phải ly hôn. Xét điều kiện thực tế, các cháu Lan Th và Nhật M đang ở với mẹ, phát triển bình thường cả về thể chất lẫn tinh thần. Do A D thường xuyên đi công tác xa, không có thời gian và điều kiện chăm sóc các con; mặt khác, hiện A D đã có con riêng với người phụ nữ khác, nên giao cháu Lan Th và Nhật M cho chị Lan A tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc sau khi ly hôn nhằm đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm đề nghị HĐXX buộc A D phải cấp dưỡng nuôi con chung tính theo mức lương tối Thiều. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay, do chị Lan A không yêu cầu A D cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn, nên đề nghị của Viện kiểm

sát không được HĐXX chấp nhận và tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho A D cho đến khi có yêu cầu hoặc có quyết định khác.

- *Về tài sản chung, công nợ chung*: Các đương sự không đề nghị Toà án giải quyết, vì vậy Toà án không xem xét.

[3]Về án phí:Chị Lan A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

[4]Về quyền kháng cáo: Chị Lan A và A D được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng: khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28;điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228; khoản 4 Điều 147, 271, 273, 278 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án.

### **Xử:**

**1.** Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Tô Lan A. Cho chị Tô Lan A được ly hôn với A Nguyễn Việt D.

**2.**Về con chung:Chị Tô Lan A và A Nguyễn Việt D có 02 con chung là cháu Nguyễn Lan Th, sinh ngày 01/10/2003 và cháu Nguyễn Trần Nhật M, sinh ngày 20/01/2007. Giao cháu Lan Th và Nhật M cho chị Lan A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóccho đến khi các cháu tròn 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho A D cho đến khi có yêu cầu hoặc có quyết định khác.

A Nguyễn Việt D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

**3.** Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét;

**4.** Về án phí: Chị Tô Lan A phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai số

AK/2010/0009716 ngày 13/10/2020 của Chi cục Th hành án dân sự quận Nam Từ Liêm. Chị Tô Lan A đã nộp đủ án phí.

**5.Quyền kháng cáo:** Chị Tô Lan A có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. A Nguyễn Việt D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ./.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận :**

- TAND TP.Hà Nội;
- VKSND Q. Nam Từ Liêm,
- VKSND TP.Hà Nội;
- Chi cục THADS Q. Nam Từ Liêm;
- Các đương sự;
- UBND P.Mai Dịch, Q.Cầu Giấy, TP. Hà Nội (Số 62, quyền số 01/2003, ngày 15/5/2003);
- Lưu HS, VP.

**Phan Thị Kim ThA**